

Bản án số: 44/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 28/5/2024

"V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Nhân và bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh T1 - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hạ Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2024, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 370/2023/TLST - HNGĐ ngày 29/11/2023 về việc "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Bích N**, sinh năm 1982. Nơi thường trú: Tổ 2, khu 1B, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Văn T**, sinh năm 1982. Nơi thường trú: Nơi thường trú: Tổ 2, khu 1B, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Bích N trình bày:

Chị và anh Trịnh Văn T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/11/2005, tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép; trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn chị thấy tính cách của chị và anh T không hợp nhau, nhưng chị vẫn cố gắng để giữ gìn gia đình. Mâu thuẫn căng thẳng phát sinh từ tháng 11/2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ



chồng không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã dẫn đến xô sát. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định không T tiếp tục chung sống và chị không còn tình cảm với anh T nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Tại Bản tự khai, bị đơn anh Trịnh Văn T trình bày: Về hoàn cảnh, điều kiện kết hôn giữa anh và chị Phạm Bích N như chị N đã trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Anh và chị N đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay. Chị N có Đơn xin ly hôn anh chưa đồng ý vì hiện nay con trai lớn của anh chị học năm cuối cấp của cấp 3, anh không muốn tạo áp lực cho con trong quá trình ôn thi.

*** Về con chung:** Chị N và anh T trình bày: Quá trình chung sống anh chị có 02 (hai) người con chung là: Trịnh Quốc T1, sinh ngày 31/10/2006 và Trịnh Quốc T2, sinh ngày 15/11/2008.

Quan điểm của chị N: Tại Đơn khởi kiện chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung. Tại Bản tự khai chị đề nghị Tòa án giao con chung Trịnh Quốc T2 cho chị và giao con chung Trịnh Quốc T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Quan điểm của anh T: Tại bản tự khai anh trình bày 02 con ở với bố hay với mẹ thì phải có ý kiến trao đổi rõ ràng và ý kiến của con.

*** Về tài sản chung:** Chị N và anh T trình bày: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại tổ 2, khu 1B, phường H, thành phố Hạ Long, đại diện tổ 2 cho biết: Chị N và anh T có địa chỉ cư trú tại tổ 2, khu 1B, phường H, thành phố Hạ Long. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, anh chị chấp hành tốt quy định của pháp luật. Mâu thuẫn cụ T của anh chị thì ông không nắm được. Anh chị có 02 người con chung, cả 02 người con đều đang đi học, sức khỏe bình thường.

Qua lấy ý kiến nguyện vọng của con chung T hiện: Con chung Trịnh Quốc T1 có nguyện vọng muốn ở với bố; con chung Trịnh Quốc T2 có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh Trịnh Văn T có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố Hạ Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân



dân thành phố Hạ Long.

Bị đơn anh Trịnh Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Bích N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Bích N và anh Trịnh Văn T đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2005; đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cãi vã; cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, hạnh phúc; anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm với anh T. Anh T có quan điểm chưa đồng ý ly hôn nhưng đều vắng mặt tại phiên hoà giải để Tòa án hoà giải vợ chồng về đoàn tụ, T hiện anh T không thiện chí và cũng không tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không T kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 (hai) người con chung. Anh chị đều có việc làm, thu nhập và các điều kiện để chăm sóc giáo dục con. Quan điểm của chị N đề nghị được nuôi dưỡng con chung Trịnh Quốc T2 và giao con chung Trịnh Quốc T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quan điểm hai con ở với ai thì phải có ý kiến trao đổi và ý kiến của con. Tuy nhiên anh T không trao đổi với chị N và cũng không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập. Nguyên vọng của con Trịnh Quốc T1 muốn ở với bố và con Trịnh Quốc T2 muốn ở với mẹ. Vì vậy, cần giao con Trịnh Quốc T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Trịnh Quốc T2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, đồng thời phù hợp với yêu cầu của chị N và nguyên vọng của các con chung của anh chị.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh chị mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên chấp nhận quan điểm của chị N về việc hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những nhận định trên đây, xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Bích N.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,



QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích N. Chị Phạm Thị Bích N được ly hôn với anh Trịnh Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trịnh Quốc T1, sinh ngày 31/10/2006 cho anh Trịnh Văn T và giao con chung Trịnh Quốc T2, sinh ngày 15/11/2008 cho chị Phạm Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trịnh Văn T và chị Phạm Thị Bích N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn: Chị Phạm Thị Bích N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 000268 ngày 28/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Chị Phạm Thị Bích N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục thi hành án DS TP Hạ Long;
- Các đương sự;
- UBND phường Bãi Cháy, TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Thanh



